

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ – LỚP 7
TUẦN 05 (TỪ 04/10/2021 ĐẾN 09/10/2021)

1. MÔN NGỮ VĂN

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

CHỦ ĐỀ: VĂN BIỂU CẢM

TIẾT 1:

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BIỂU CẢM

I. VĂN BIỂU CẢM LÀ GÌ?

- Văn biểu cảm là văn bản viết ra nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc, sự đánh giá của con người đối với thế giới xung quanh và kêu gọi lòng đồng cảm nơi người đọc.

II. NHU CẦU BIỂU CẢM CỦA CON NGƯỜI:

* VD: SGK/71

- Thương thay...

... nào nghe.

-> Thể hiện nỗi oan của người nông dân trong xã hội cũ.

=> Gọi lòng thương xót, đồng cảm.

- Đứng bên nì đồng ...

... nắng hồng ban mai.

-> Ca ngợi vẻ đẹp của cánh đồng lúa quê hương và vẻ đẹp đầy sức sống của cô gái.

=> Gọi cảm xúc yêu mến, tự hào.

=> **Khi có những tình cảm tốt đẹp, chất chứa, muốn biểu hiện cho người khác biết.**

III. ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BIỂU CẢM:

* VD1: Văn bản “Tâm gương” SGK/ 84,85

- Tình cảm biểu đạt: ca ngợi tính trung thực, phê phán thói xu nịnh.

- Cách biểu đạt tình cảm: qua hình ảnh tấm gương.

-> Biểu cảm gián tiếp.

- Bố cục: 3 phần

+ Mở bài: đoạn 1

+ Thân bài: đoạn 2 - 6

+ Kết bài: đoạn 7

* VD 2: Đoạn văn SGK/ 86

- Tình cảm biểu đạt: sự cô đơn, cầu mong được giúp đỡ và cảm thông.

- Cách biểu đạt tình cảm: qua những câu cảm thán.

-> Biểu cảm trực tiếp.

TIẾT 2:

ĐỀ VĂN BIỂU CẢM VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM

I. ĐỀ VĂN BIỂU CẢM:

Đề 1: Cảm nghĩ về nu cười của mẹ.

Đề 2: Loài cây em yêu.

-> Xác định đối tượng biểu cảm và tình cảm cần biểu hiện.

II. CÁC BƯỚC LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM:

Đề 2: Loài cây em yêu.

1. Tìm hiểu đề và tìm ý:

- Kiểu bài: biểu cảm
- Đối tượng: loài cây

2. Lập dàn bài:

a. Mở bài: Giới thiệu loài cây em yêu.

- Nêu loài cây và lí do mà em yêu thích loài cây đó.

b. Thân bài:

- Biểu cảm đặc điểm và phẩm chất của cây.
- Biểu cảm loài cây giúp ích gì trong cuộc sống con người.
- Biểu cảm loài cây có ý nghĩa gì trong cuộc sống của em.

c. Kết bài: Tình cảm của em đối với cây.

- Yêu quý, mãi lưu giữ những kỉ niệm đẹp về cây.

3. Viêt bài:

4. Sửa bài:

B. LUYỆN TẬP:

1. Viêt mở bài cho đề văn “Loài cây em yêu”.

2. Viêt kết bài cho đề văn “Loài cây em yêu”.

2. MÔN TOÁN

2.1 ĐẠI SỐ

Bài 9. SỐ THẬP PHÂN HỮU HẠN, SỐ THẬP PHÂN VÔ HẠN TUẦN HOÀN

I/ Số thập phân hữu hạn. Số thập phân vô hạn tuần hoàn.

Ví dụ 1: Viết các phân số sau dưới dạng số thập phân: $\frac{3}{40}$; $\frac{36}{25}$

Giải. $\frac{3}{40} = 0,075$; $\frac{36}{25} = 1,44$

Các số thập phân như 0,075 ; 1,44 được gọi là số thập phân hữu hạn.

Ví dụ 2: Viết phân số $\frac{7}{12}$ dưới dạng số thập phân

$$\begin{array}{r|l} 7,0 & 12 \\ 100 & \\ 40 & \underline{0,58333...} \\ 40 & \\ 40 & \\ 4 & \\ \vdots & \end{array}$$

Vậy $\frac{7}{12} = 0,58333... = 0,58(3)$

Số 0,58333... là số thập phân vô hạn tuần hoàn. Viết gọn là 0,58(3)

II/ Nhận xét

Ví dụ: các phân số nào viết được dưới dạng STP hữu hạn ? STP vô hạn tuần hoàn?

$$\frac{1}{4}; \frac{-5}{6}; \frac{1}{50}; \frac{-17}{125}; \frac{11}{45}; \frac{7}{14}$$

Giải.

-Số thập phân hữu hạn:

$$\frac{1}{4} = 0,25 \quad ; \quad \frac{1}{50} = 0,02; \quad \frac{-17}{125} = 0,136 \quad ; \quad \frac{7}{14} = \frac{1}{2} = 0,5$$

-Số thập phân vô hạn tuần hoàn

$$\frac{-5}{6} = 0,8(3) \quad ; \quad \frac{11}{45} = 2,(4)$$

Ghi nhớ : Học SGK / 34

Bài tập ở nhà:

Bài 65 + 68 /sgk34

2.2 HÌNH HỌC

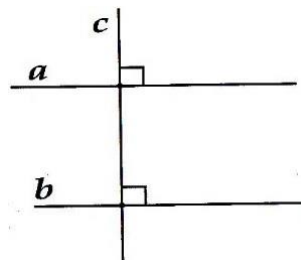
CHỦ ĐỀ: ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC – ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

Tuần 5. Bài 6. TỪ VUÔNG GÓC ĐẾN SONG SONG

1. Quan hệ giữa tính vuông góc với tính song song

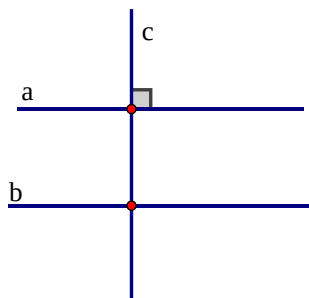
a) Tính chất 1. Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.

$$\begin{cases} a \perp c \\ b \perp c \end{cases} \Rightarrow a // b$$



b) Tính chất 2. Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng kia.

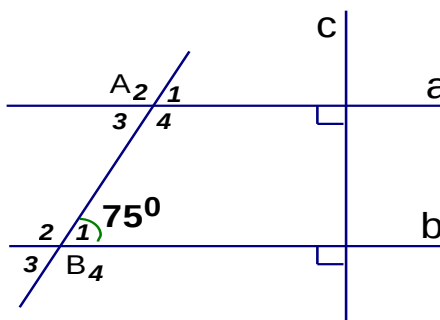
$$\begin{cases} a // b \\ c \perp a \end{cases} \Rightarrow c \perp b$$



Ví dụ: Cho hình vẽ bên:

a) Vì sao $a // b$?

b) Tính số đo của $\hat{A}_1$; $\hat{A}_4$



Giải

a) Vì $a \perp c$ và $b \perp c$ nên $a // b$

b) Ta có: $a // b$ nên:

$$\hat{A}_1 = \hat{B}_1 = 75^\circ \text{ (hai góc đồng vị)}$$

$$\hat{A}_4 + \hat{B}_1 = 180^\circ \text{ (hai góc trong cùng phía)}$$

$$\Rightarrow \hat{A}_4 = 180^\circ - \hat{B}_1 = 115^\circ$$

2. Ba đường thẳng song song

Tính chất 3. Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.

$$\begin{cases} a // c \\ b // c \end{cases} \Rightarrow a // b$$

a

 b

 c

LUYỆN TẬP:

Bài tập ở nhà: 42,43,46,47/98 SGK

HD. Bài 42, 43 vẽ trên cùng 1 hình

3. MÔN VẬT LÝ

BÀI 5: ẢNH CỦA MỘT VẬT TẠO BỞI GƯƠNG PHẪNG

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. Tính chất của ảnh tạo bởi gương phẳng

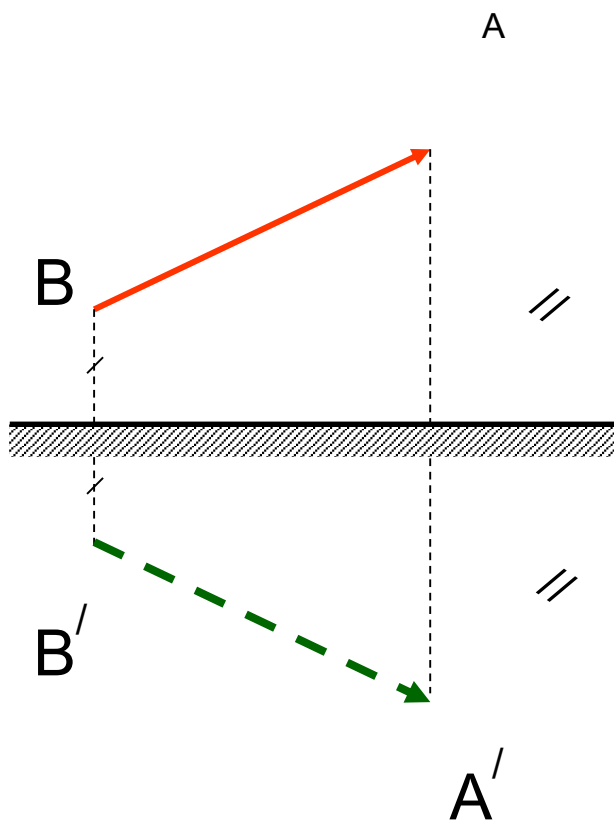
- Là ảnh ảo, không hứng được trên màn chắn.
- Ảnh lớn bằng vật.
- Khoảng cách từ ảnh đến gương bằng khoảng cách từ vật đến gương.

II. Giải thích sự tạo thành ảnh bởi gương phẳng

Ta nhìn thấy ảnh ảo S' vì các tia phản xạ lọt vào mắt có đường kéo dài đi qua S'.

III. Vận dụng

C5:



C6: Vì mặt hồ phẳng lặng đóng vai trò của một gương phẳng nên tạo ra được ảnh ảo của cái tháp dưới hồ.

4. MÔN LỊCH SỬ

Tiết 9

Bài 7 NHỮNG NÉT CHUNG VỀ XÃ HỘI PHONG KIẾN

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1. Sự hình thành và phát triển xã hội phong kiến

- Chế độ phong kiến ở Phương Đông ra đời sớm nhưng lại phát triển chậm chạp và thời gian khủng hoảng kéo dài.
- Chế độ phong kiến ở Châu Âu hình thành muộn hơn nhưng cũng kết thúc sớm hơn nhường chỗ cho Chủ nghĩa tư bản.

2. Cơ sở kinh tế - xã hội của xã hội phong kiến

	Phương Đông	Phương Tây
Cơ sở kinh tế	Nông nghiệp đóng kín trong công xã nông thôn	Nông nghiệp đóng kín trong lãnh địa
Các giai cấp	Địa chủ và nông dân lĩnh canh	Lãnh chúa và nông nô
Phương thức bóc lột	Địa tô	

3. Nhà nước phong kiến

- Hầu hết các quốc gia phong kiến đều theo chế độ quân chủ (do vua đứng đầu).
- Thể chế nhà nước:
 - + Phương Đông: quân chủ tập quyền.
 - + Phương Tây: quân chủ phân quyền

B. LUYỆN TẬP:

Câu 1: Cơ sở kinh tế của xã hội phong kiến là gì?

Câu 2: Thế nào là chế độ quân chủ?

Tiết 10

BÀI TẬP LỊCH SỬ

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Bài 1: Điền vào chỗ trống để hoàn thành các nội dung sau

- Lãnh địa phong kiến là..... rộng lớn mà quý tộc, tướng lĩnh chiếm được. Mỗiđều có lãnh địa riêng.
- Đặc điểm nền kinh tế lãnh địa: mang tính tự cung, tự cấp,....., ít trao đổi mua bán.
- “Phát kiến địa lí” đó là quá trình tìm ra những....., những vùng đất mới, những dân tộc mới của người Châu Âu.
- Năm 1492, Cô-lôm-bô tìm ra.....
- Xã hội phong kiến Trung Quốc gồm 2 giai cấp:.....

Bài 2: Từ những nội dung dưới đây, em hãy sắp xếp sao cho đúng về xã hội phong kiến phương Đông và phương Tây bằng các đánh dấu X vào bảng:

Nội dung	Phương Đông	Phương Tây
1. Nông nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu.		
2. Xã hội hình thành 2 giai cấp cơ bản: địa chủ và nông dân lĩnh canh.		
3. Chế độ quân chủ tập quyền.		
4. Chế độ quân chủ phân quyền.		
5. Ruộng đất nằm trong tay địa chủ.		
6. Xã hội có 2 giai cấp cơ bản: lãnh chúa và nông nô		

7. Lãnh địa phong kiến là vùng đất đai rộng lớn mà quý tộc, tướng lĩnh chiếm được.		
8. Đặc điểm nền kinh tế lãnh địa: Mang tính tự cung, tự cấp, đóng kín.		
9. Nông nghiệp đóng kín trong lãnh địa		
10. Chế độ phong kiến hình thành muộn hơn nhưng cũng kết thúc sớm hơn nhường chỗ cho Chủ nghĩa tư bản.		

Bài 3: Vì sao Ấn Độ được coi là một trong những trung tâm văn minh của nhân loại?

B. LUYỆN TẬP:

1. Lãnh địa phong kiến là gì?

- A. Vùng đất rộng lớn của nông dân
- B. Vùng đất rộng lớn của lãnh chúa phong kiến
- C. Vùng đất rộng lớn của lãnh chúa và nông nô
- D. Vùng đất rộng lớn của các tướng lĩnh quân sự

2. Kinh tế trong các lãnh địa phong kiến là nền kinh tế có sự trao đổi buôn bán đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

3. Hãy kể tên một số nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc thời đại nhà Đường?

- A. Tư Mã Thiên, Đông Trùng Thư, Ngô Thừa Ân
- B. La Quán Trung, Tào Tuyết Cần, Bạch Cư Dị
- C. Đỗ Phủ, Lý Bạch, Ngô Thừa Ân
- D. Đỗ Phủ, Lý Bạch, Bạch Cư Dị

4. Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa bắt đầu xuất hiện ở Trung Quốc trong thời gian nào?

- A. Thời Nguyên.
- B. Thời Minh.
- C. Thời Thanh.
- D. Thời Tống.

5. MÔN ĐỊA LÝ

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Chủ đề 3: MÔI TRƯỜNG ĐỚI ÔN HÒA (Bài 13+17+18)

TUẦN 1:

I. ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG:

1. Khí hậu:

- Vị trí: khoảng từ chí tuyến đến vòng cực ở cả hai bán cầu.
- Phần lớn diện tích đất nổi ở đới ôn hòa nằm ở bán cầu Bắc.
- Khí hậu:
 - + Mang tính chất trung gian giữa đới nóng và đới lạnh,
 - + Thời tiết thay đổi thất thường.

2. Sự phân hoá của môi trường

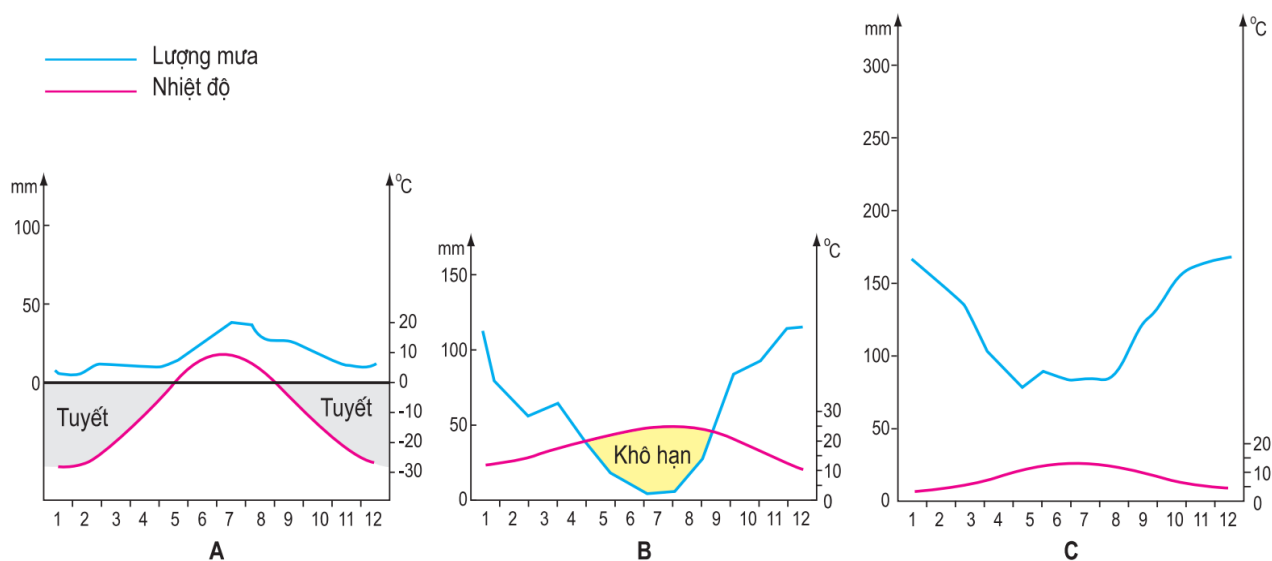
Thiên nhiên ở đới ôn hoà thay đổi theo:

- Thời gian: một năm có bốn mùa: xuân - hạ - thu - đông.
- Không gian: gồm các kiểu môi trường thay đổi
 - + Từ Bắc xuống Nam theo vĩ độ
 - + Từ Đông sang Tây theo ảnh hưởng của dòng biển và gió Tây ôn đới...

B. LUYỆN TẬP:

Câu 1: Trình bày sự phân hóa của môi trường đới ôn hòa?

Câu 2: Xác định các biểu đồ tương quan nhiệt - ẩm dưới đây thuộc các môi trường nào của đới ôn hòa.



6. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Tiết 5 Chủ đề: YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI VÀ ĐOÀN KẾT TƯƠNG TRỢ

I. Truyền đọc :

II. Nội dung bài học:

1. Thế nào là yêu thương con người và đoàn kết tương trợ?

- Yêu thương con người là: quan tâm, giúp đỡ, làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những người gặp khó khăn, hoạn nạn.

- Đoàn kết, tương trợ là: + Sự thông cảm, chia sẻ.

+ Giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn

B. LUYỆN TẬP:

Câu 1: Thế nào là yêu thương con người ? Cho 2 ví dụ.

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Em hãy cho biết đoàn kết tương trợ là gì? Cho 2 ví dụ.

.....

.....

.....

.....

.....

DẶN DÒ

- Học khái niệm: Yêu thương con người và đoàn kết, tương trợ
- Làm 2 bài tập trên.

7. MÔN TIẾNG ANH

NỘI DUNG TRỌNG TÂM

TIẾT 13: UNIT 3: AT HOME

A1- WHAT A LOVELY HOME!

A. LÝ THUYẾT (Phần ghi bài)

♦ Listen. Then practice with a partner.

Nội dung bài nghe:

Hoa: What an awful day! You must be cold, Lan. Come in and have a seat. That armchair is comfortable.

Lan: Thanks. What a lovely living room! Where are your uncle and aunt?

Hoa: My uncle is at work and my aunt is shopping. Would you like some tea?

Lan: No, thanks. I'm fine.

Hoa: OK. Come and see my room.

Lan: What a bright room! And what nice colors! Pink and white. Pink is my favorite color. Can I see the rest of the house?

Hoa: Of course.

Hoa: This is the bathroom.

Lan: What a beautiful bathroom! It has a sink, a tub, and a shower.

Hoa: Yes. It's very modern. Now come and look at the kitchen. You'll love it.

Lan: Wow! What an amazing kitchen! It has everything: washing machine, dryer, refrigerator, dishwasher, electric stove ...

Hoa: Yes. It's very convenient. How about a drink, Lan? Would you like some orange juice?

Lan: What a great idea! I'd love some.

♦ Vocabulary

- put - put /pʊt/ (v): đặt để
- washing machine /'wɒʃɪŋ mə'ʃi:n/ (n): máy giặt
- refrigerator /rɪ'frɪdʒəreɪtə(r)/ (n): tủ lạnh
- electric stove /ɪ'lektrɪk stəʊv/ : lò điện
- sink /sɪŋk/ (n): bồn rửa
- shower /'ʃaʊə(r)/ (n): vòi tắm hoa sen, take a shower (v) tắm vòi sen
- closet /'klɒzɪt/ (n): tủ quần áo
- dryer /'draɪ.ər/ (n) máy sấy tóc, dry /draɪ/ (adj) khô, dry (v) làm khô
- dishwasher (n) máy rửa bát đĩa
- modern /'mɒdn/ (a): hiện đại
- great /greɪt/ (adj) tuyệt vời, lớn, hay – giỏi
- bright /braɪt/ (a): sáng sủa
- awful/ 'ɔː.fəl/ (adj) tệ, xấu, kinh khủng / awfully (adv) thật tệ
- the rest of : phần còn lại
- come in (exp) mời vào , come – came (v) đến, đi đến
- have a seat (exp) mời ngồi , sit - sat (v) ngồi, seat (n) chỗ ngồi
- convenient /kən'veɪ.ni.ənt/ (adj) tiện lợi -tiện nghi,
conveniently (adv), theo cách phù hợp, convenience (n) sự tiện lợi -sự tiện nghi

- colorful /'kʌləfl/(a): sặc sỡ, color (n) màu sắc
- amazing /ə'meɪ.zɪŋ/ (adj) kinh ngạc- ngạc nhiên,
amazingly (adv) đáng kinh ngạc, amazement /ə'meɪz.mənt/ (n) sự ngạc nhiên

♦ Grammar

Exclamatory sentences (Câu cảm thán)

Use: Câu cảm thán là câu bày tỏ sự ngạc nhiên, giận dữ, đau đớn. thán phục... của người nói.

Câu cảm thán thường bắt đầu bằng How hoặc What và chấm dứt bằng dấu cảm! (exclamation mark!)

1/ Exclamation with What (Câu cảm với What)

► With count Nouns (Với danh từ đếm được)

Form 1: What + a/an + Adjective + Noun (số ít)!

Ex: What a beautiful Christmas tree! (Cây giăng sinh đẹp quá!)

What an interesting film! (Phim hay quá!)

Form 2: What + Adjective + Noun (Số nhiều)!

Ex: What difficult exercises! (Những bài tập khó quá!)

► With Non-count Nouns (Với danh từ không đếm được)

Form: What + Adjective + Noun !

Ex: What hot weather! (Thời tiết nóng quá!)

Notes:

⚠ Lưu ý cấu trúc câu cảm với What... **công thức đầy đủ** có thêm phần 'Subject + Verb' cuối câu.

Form: What + (a/an) + Adjective + Noun + Subject + Verb!

Ex: What difficult exercises we do!

What delicious food they serve! (Họ phục vụ thức ăn ngon quá!)

What a lovely house you have!

2/ Exclamation with 'How' (Câu cảm với How)

Form 1: How + adj + S + be!

Ex: How nice you are! (Bạn thật dễ thương!)

How + Adjective + Subject + Linking verb !

Linking verb: động từ liên kết như to be, to become, to feel, to seem, to smell, to sound...

Ex: How rotten these tomatoes smell? (Những quả cà chua này thối rữa ghê!)

Form 2: How + adv + S + V!

Ex: How well he swims! (Anh ấy bơi giỏi quá!)

B. BÀI TẬP

⚠ Now answer:

a) Which rooms do Hoa and Lan talk about? (Hoa và Lan đang nói về các phòng nào?)

=> _____

b) Why does Lan like Hoa's room? (Tại sao Lan lại thích phòng của Hoa?)

=> _____

c) What is in the bathroom? (Có gì trong phòng tắm?)

=> _____

d) What is in the kitchen? (*Có gì trong phòng bếp?*)

=> _____

About you. (*Về bạn.*)

e) How many rooms are there in your house/apartment? (*Nhà/căn hộ của bạn có bao nhiêu phòng?*)

=> _____

f) What things are there in your room/kitchen/bathroom? (*Có những gì trong phòng/phòng bếp/phòng tắm của bạn?*)

=> _____

✦ **Answer keys**

Now answer:

a) => Hoa and Lan talk about the living room, the bathroom, Hoa's room, and the kitchen.

b) => Lan likes Hoa's room because it's bright and its colours are nice.

c) => In the bathroom there is a sink, a tub, and a shower.

d) => In the kitchen, there are modern things: a washing machine, a dryer, a refrigerator, a dishwasher, an electric stove...

About you. (*Clue: gợi ý, bạn hãy tự làm nhé*)

e) => In my house there are five rooms: a living room, two bedrooms, a bathroom and a kitchen.

f) => In my room there is a bed with a night lamp, a table and a chair and a small bookshelf.

TIẾT 14: UNIT 3: AT HOME

A2- WHAT A LOVELY HOME!

A. LÝ THUYẾT (Phần ghi bài)

♦ Vocabulary

- narrow /'nærəʊ/ (a): hẹp ≠ wide : rộng
- clever /'kleɪvə(r)/ (a): lanh lợi
- sour /'saʊə(r)/ (a): chua
- large /lɑːdʒ/ (a): rộng lớn
- really /'riːəli/ (adv): thực sự
- interesting /'ɪntrəstɪŋ/ (a): thú vị, interestingly (adv) một cách thú vị, interested (adj) quan tâm đến, interest /'ɪn.trəst/ (v) sự quan tâm
- friendly /'frendli/ (a): thân thiện
- clean /kliːn/ (a): sạch sẽ
- delicious /dɪˈlɪʃ.əs/ (adj) ngon
- wet day : ngày ẩm ướt
- boring party : buổi tiệc nhàm chán
- cook (v) nấu , cook (n) đầu bếp = chef /ʃef/ (n) , cooker (n) nồi cơm điện
- complaint (n) sự than phiền, complain (v) than phiền, phàn nàn
- compliment /'kɑːm.plə.mənt/ (v,n) khen ngợi, lời khen ngợi

B. BÀI TẬP

► **Write exclamations.** (*Viết câu cảm thán.*)

a) Complaints (*Lời than phiền*)

expensive dress

What an expensive dress!



Now use:

awful restaurant
wet day

boring party
bad movie

b) Compliments (Lời khen)

What a great party!

great party



Now use:

great party
bright room

interesting movie
lovely house

delicious dinner
beautiful day

✦ Answer keys

a) Complaints

- What an awful restaurant! (Nhà hàng tệ quá!)
- What a wet day! (Một ngày ướt át làm sao!)
- What a boring party! (Bữa tiệc chán quá!)
- What a bad movie! (Phim dở làm sao!)

b) Compliments

- What a great party! (Bữa tiệc tuyệt quá!)
- What a bright room! (Căn phòng sáng sủa làm sao!)
- What an interesting movie! (Phim hay quá!)
- What a lovely house! (Căn nhà xinh quá!)
- What a delicious dinner! (Bữa tối ngon làm sao!)
- What a beautiful day! (Ngày đẹp quá!)

TIẾT 15: UNIT 3: AT HOME

B1- HOA'S FAMILY

A. LÝ THUYẾT (Phần ghi bài)

♦ Vocabulary

- quiet /'kwaɪət/ (a): yên tĩnh ≠ noisy (n) ồn ào
- neighbor /'neɪbə(r)/ (n): người láng giềng, neighborhood /'nei.bə.hud/ (n): khu vực hàng xóm láng giềng
- wonderful /'wʌndəfl/(a): tuyệt vời

- farmhouse /'fɑ:mhaʊs/ (n): nhà ở nông trại
- farm /'fɑ:m/ (n): nông trại
- farmer /'fɑ:m ə(r)/ (n): nông dân
- countryside (n) miền quê
- raise cattle (v) nuôi gia súc
- grow vegetables (v) trồng rau củ quả
- from...till : từ...cho đến...
- work hard (v) chăm làm việc, chăm học hành
- a photo of her : bức ảnh của em ấy
- job (n) công việc
- housewife (n) nội trợ

► **Grammar:**

Structure: Hỏi về nghề nghiệp của ai đó

What do/does + S + do? ⇔ What + is/are + someone's job?

Ex: What does Hoa's father do? = What is Hoa's father's job?

What do you do? = What is your job?

To answer: Someone is/are..... (Hoa's father is a farmer)

Subject pronoun am/is/are..... (I am a nurse – She is a

housewife)

BÀI TẬP

✦ **Now answer:**

a) What does Hoa's father do? (*Cha của Hoa làm nghề gì?*)

=> _____

b) Where does he work? (*Ông ấy làm việc ở đâu?*)

=> _____

c) What is her mother's job? (*Công việc của mẹ cô ấy là gì?*)

=> _____

d) What does she do every day? (*Bà ấy làm gì mỗi ngày?*)

=> _____

d) Are they happy? (*Họ có hạnh phúc không?*)

=> _____

f) How old is Hoa's sister? (*Em gái của Hoa bao nhiêu tuổi?*)

=> _____

✦ **Answer keys**

a) => Hoa's father is a farmer.

b) => He works on their farm in the countryside.

c) => She is a housewife.

d) => She does the housework and helps her husband on the farm.

d) => Yes, they are.

f) => Hoa's sister is eight.

8. MÔN ÂM NHẠC

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Tiết 5:

- Ôn tập bài hát: Lí cây đa

- Tập đọc nhạc: TĐN số 2

- Nhạc lí: Nhịp 4/4

1. Ôn tập bài hát: Lí cây đa:

- Yêu cầu tập hát và học thuộc lời bài hát Lí cây đa

- Tập trình bày bài hát có tình cảm

2. Tìm hiểu bài Tập đọc nhạc: TĐN số 2:

CÂU HỎI TÌM HIỂU BÀI:

1. Bài TĐN 2 viết ở nhịp gì?

Nhịp 4/4

2. Nốt nhạc nào cao nhất và nốt nhạc nào thấp nhất trong bài?

Nốt Mi cao nhất và nốt sòn thấp nhất

3. Những hình nốt nào có trong bài?

Nốt đen, nốt tròn, nốt trắng

4. Trong bài có kí hiệu âm nhạc nào?

Dấu nhắc lại

5. Bài TĐN chia làm mấy ô nhịp?

12 ô

6. Bài TĐN chia làm mấy câu?

3 câu (mỗi câu 4 ô nhịp)

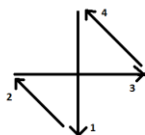
3. Nhạc lí: Nhịp 4/4

Khái niệm: Nhịp 4/4 (kí hiệu là nhịp C), mỗi nhịp có 4 phách, mỗi phách bằng một nốt đen. Phách thứ nhất là phách mạnh, phách thứ 2 là phách nhẹ, phách thứ 3 là phách mạnh vừa, phách thứ 4 là phách nhẹ.

- Nốt tròn (o) có trường độ bằng 4 nốt đen

- Nhịp 4/4 thường dùng trong các bài hát trang nghiêm, nhạc hành khúc hoặc trữ tình

- Cách đánh nhịp 4/4



B. LUYỆN TẬP:

- Tập đọc tên nốt nhạc bài TĐN số 2, đọc nhạc có giai điệu – tiết tấu

- Thực hành ghép lời cho bài đọc

9. MÔN MỸ THUẬT

BÀI 3: TẠO HOẠ TIẾT TRANG TRÍ

(TIẾT 1)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1. Quan sát, nhận xét:

Hoạ tiết trang trí: hình hoa, lá, chim, thú, mây, nước, mặt trời, mặt trăng... Đó là những hình ảnh thiên nhiên gắn bó với đời sống con người.

- Các hoạ tiết trang trí thường được vẽ đơn giản, cách điệu, mà vẫn giữ được đặc điểm của mẫu.

- Hình của hoạ tiết được tạo ra phải phù hợp với vị trí đặt hoạ tiết.

Ví dụ: Hoạ tiết chim và hươu trang trí trong vòng tròn trên mặt trống đồng ; hình sóng nước trang trí ở thành tháp chùa Phổ Minh (Nam Định)...

2. Cách tạo hoạ tiết trang trí:

1. Lựa chọn nội dung hoạ tiết

Chọn những loại hoa, lá, chim, thú có hình dáng đẹp, có những đường nét rõ ràng, hài hòa, cân đối.

Ví dụ:

- Các loại lá: lá sắn, lá mướp, lá gấc, lá trầu không, lá bưởi, lá cúc, ...

- Các loại hoa: hoa sen, hoa cúc, hoa bìm bìm, hoa rau muống, hoa mướp, hoa bèo, hoa bưởi,

...

- Các cành, các cụm hoa, lá, quả, ...

- Các con vật: con gà, con vịt, con tôm, con cá, con chim, ...

2. Quan sát mẫu thật

Quan sát chọn những mẫu ưng ý rồi ghi chép lại (tìm vị trí thích hợp để vẽ hình).

3. Tạo hoạ tiết trang trí

- Đơn giản: lược bỏ các chi tiết không cần thiết.

- Cách điệu: Sắp xếp lại các chi tiết hình và nét sao cho hài hòa, cân đối, rõ ràng hơn; cũng có thể thêm hoặc bớt một số nét, nhưng phải giữ được đặc trưng của hình dáng mẫu.

B. LUYỆN TẬP:

Chép một mẫu hoa, lá sau đó vẽ đơn giản và cách điệu thành hoạ tiết trang trí.

10. MÔN THỂ DỤC

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. Bài thể dục với cờ: Học mới 3 động tác Lườn, Bụng, Phối hợp.

1. Động tác Lườn:

- Nhịp 1: Bước chân trái sang trái rộng bằng vai, đồng thời hai tay dang ngang lòng bàn tay hướng trước, cờ hướng sang hai bên, mắt nhìn thẳng, hít vào.
- Nhịp 2: Dồn trọng tâm vào chân trái, mũi chân phải chạm đất đồng thời nghiêng lườn sang phải, tay trái duỗi thẳng ép nhẹ vào tai, tay phải co căng tay phía sau lưng – cờ hướng sang trái, thở ra.
- Nhịp 3: Chuyển trọng tâm về giữa hai chân, thân người thẳng, hai tay dang ngang, bàn tay ngửa, cờ hướng sang hai bên, mắt nhìn theo cờ bên trái, hít vào.
- Nhịp 4: Về TTCB.
- Nhịp 5,6,7,8: Tương tự nhưng nhịp 5 bước chân phải sang phải, nhịp 6 nghiêng lườn sang trái, nhịp 7 quay mặt sang phải.

2. Động tác Bụng:

- Nhịp 1: Bước chân trái sang trái rộng bằng vai đồng thời đưa hai tay cầm cờ ra trước lên cao song song, lòng bàn tay hướng vào nhau, mắt ngửa, mắt nhìn theo cờ, hít vào.
- Nhịp 2: Gập thân, hai tay chạm hai bàn chân, cờ hướng trước, hai chân thẳng, mắt nhìn theo cờ, thở ra.
- Nhịp 3: Nâng thân, hai tay dang ngang, bàn tay sấp, cờ hướng sang hai bên, mắt nhìn theo cờ bên trái, hít vào.
- Nhịp 4: Về TTCB, thở ra.
- Nhịp 5,6,7,8: Tương tự nhịp 1,2,3,4 nhưng nhịp 5 bước chân phải sang phải, nhịp 7 mắt nhìn theo cờ bên phải.

3. Động tác Phối hợp:

- Nhịp 1: Bước chân trái ra trước một bước chéo về bên trái, khuỷu gối, chân sau thẳng, tay trái đưa ra trước chéo cao, tay phải đưa ra sau chéo xuống dưới tạo thành một đường thẳng. Hai bàn chân chạm đất, cờ hướng theo chiều của hai tay, thân trên hơi đổ về trước, mắt nhìn theo cờ tay trái, hít vào.
- Nhịp 2: Đưa chân trái về sát với chân phải đồng thời gập thân, hai tay hướng vào bàn chân, cờ hướng trước, hai chân thẳng, mắt nhìn theo cờ, thở ra.
- Nhịp 3: Đứng thẳng người lên đồng thời vặn mình sang trái 90 độ (không xoay hai bàn chân), hai tay dang ngang, lòng bàn tay ngửa, cờ hướng theo chiều của hai tay, mắt nhìn theo cờ tay trái, hít vào.
- Nhịp 4: Về TTCB, thở ra.
- Nhịp 5,6,7,8: Tương tự nhưng nhịp 5 bước chân phải chéo phải, nhịp 7 vặn mình sang phải mắt nhìn theo cờ bên phải.

II. Bật qua chướng ngại vật:

- **Tư thế chuẩn bị:** Đứng thẳng tự nhiên, cách chướng ngại vật từ 15 – 20 cm, hai tay dọc theo thân.
- **Thực hiện động tác:** Đứng cách chướng ngại vật từ 15 – 20 cm. Nhún gối sử dụng nửa bàn chân trước để bật qua chướng ngại vật sau đó bật về lại vị trí ban đầu.
- **Yêu cầu động tác:** Không dùng cả bàn chân để bật hoặc tiếp đất, không tách chân trong quá trình tập, không hất gót chân ra sau, kiểm soát tư thế trên không.
- **Lượng vận động:** Từ 20 đến 40 lần/ tổ x 3 tổ.

B. LUYỆN TẬP:

1. Thuộc và thực hiện tốt 6 động tác của bài thể dục với cờ.
2. Thực hiện tốt bài tập bật qua chướng ngại vật (có thể sử dụng hộp giấy, thùng giấy hoặc các quyển sách xếp chồng lên nhau có kích thước dài 30cm x rộng 15cm x cao 15cm).
3. Yêu cầu áp dụng các động tác khởi động trước khi tập và các động tác hồi tĩnh (hít thở sâu, tại chỗ thả lỏng tay chân, các động tác căng giãn cơ) sau buổi tập.

11. MÔN TIN HỌC

Bài 3: THỰC HIỆN TÍNH TOÁN TRÊN TRANG TÍNH

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1./ Sử dụng công thức để tính toán:

Phép cộng +

Phép trừ -

Phép nhân *

Phép chia /

Phép nâng lên lũy thừa ^

Phép tính %

2./ Nhập công thức:

- Bước 1: Chọn ô cần nhập công thức
- Bước 2: Gõ dấu bằng
- Bước 3: Nhập công thức
- Bước 4: Nhấn phím enter

3./ Sử dụng địa chỉ trong công thức:

- Địa chỉ của một ô là cặp tên cột và tên hàng mà ô đó nằm trên
- Dữ liệu có trong các ô, dữ liệu đó thường được thông qua địa chỉ của các ô (hàng, cột hoặc khối)

B. LUYỆN TẬP:

1./ Sử dụng công thức để tính toán:

Phép cộng +

Phép trừ -

Phép nhân *

Phép chia /

Phép nâng lên lũy thừa ^

Phép tính %

2./ Nhập công thức:

- Bước 1: Chọn ô cần nhập công thức
- Bước 2: Gõ dấu bằng
- Bước 3: Nhập công thức
- Bước 4: Nhấn phím enter

12. MÔN SINH HỌC

CHỦ ĐỀ: RUỘT KHOANG (Tiết 2)

ĐA DẠNG CỦA NGÀNH RUỘT KHOANG

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

- Ruột khoang biển có nhiều loài, rất đa dạng và phong phú.

I. SỬA:

- Cơ thể hình dù.
- Cấu tạo thích nghi với lối sống bơi lội:
 - + Có tầng keo dày.
 - + Lỗ miệng hướng phía dưới.
 - + Bắt mồi bằng tua miệng.

II. HẢI QUỲ VÀ SAN HÔ:

- Cơ thể hình trụ giống thủy tức, thích nghi với lối sống bám.
- San hô có khung xương đá vôi bất động và tổ chức cơ thể kiểu tập đoàn.
- Nhìn chung sứa, hải quỳ, san hô đều là động vật ăn thịt và có tế bào gai độc tự vệ.

B. LUYỆN TẬP:

- **Câu 1:** Cách di chuyển của sứa trong nước như thế nào?
- **Câu 2:** Sự khác nhau giữa san hô và thủy tức trong sinh sản vô tính mọc chồi?
- **Câu 3:** Cành san hô thường dùng để trang trí là bộ phận nào của cơ thể chúng?

CHỦ ĐỀ: RUỘT KHOANG (Tiết 3)

ĐẶC ĐIỂM CHUNG VÀ VAI TRÒ CỦA NGÀNH RUỘT KHOANG

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA NGÀNH RUỘT KHOANG:

- Cơ thể có đối xứng tỏa tròn.
- Cấu tạo thành cơ thể gồm 2 lớp tế bào giữa là tầng keo.
- Ruột dạng túi.
- Có tế bào gai tự vệ, tấn công.
- Hệ thần kinh mạng lưới.
- Ruột khoang rất đa dạng phong phú ở biển nhiệt đới và biển nước ta.

II. VAI TRÒ:

- **Trong tự nhiên:**
 - + Tạo nên 1 trong các cảnh quan độc đáo ở đại dương.

+ Có ý nghĩa sinh thái đối với biển.

- Đối với đời sống:

+ Làm đồ trang trí, trang sức.

+ Làm thực phẩm có giá trị.

+ Dùng trong xây dựng.

+ Hóa thạch san hô là vật chỉ thị địa tầng nghiên cứu địa chất.

❖ Tác hại:

+ Một số gây độc, ngứa cho người.

+ Tạo đá ngầm → ảnh hưởng đến giao thông.

B. LUYỆN TẬP:

- **Câu 1:** Cấu tạo ruột khoang sống bám và ruột khoang bơi lội tự do có đặc điểm gì chung?
- **Câu 2:** Em hãy kể tên các đại diện Ruột khoang có thể gặp ở địa phương em.
- **Câu 3:** San hô có lợi hay có hại? Biển nước ta có giàu san hô không?

13. MÔN CÔNG NGHỆ

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Tiết 5.

Chủ đề: PHÂN BÓN.

BÀI 7: TÁC DỤNG CỦA PHÂN BÓN TRONG TRỒNG TRỌT

I. Phân bón là gì?

- Phân bón là thức ăn do con người bổ sung cho cây trồng.
- Phân bón được chia thành 3 nhóm chính là: phân hữu cơ, phân hóa học và phân vi sinh.

II. Tác dụng của phân bón:

- Phân bón làm tăng độ phì nhiêu của đất, tăng năng suất cây trồng và tăng chất lượng nông sản.
- Khi bón phân cần chú ý:
 - + Đúng liều lượng.
 - + Đúng chủng loại.
 - + Chú ý cân đối giữa các loại phân.

B. LUYỆN TẬP:

Trả lời các câu hỏi sau:

- 1) Phân bón là gì? Kể tên các loại phân bón mà em biết?
- 2) Phân bón có ảnh hưởng như thế nào đến đất, năng suất và chất lượng nông sản?
- 3) Sắp xếp các **loại phân bón** sau đây vào **nhóm phân bón** thích hợp:
 - a) Cây điền thanh
 - b) Phân trâu, bò.
 - c) Supe lân.
 - d) DAP (diamon photphat): phân bón chứa Nitơ, Photpho
 - e) Phân heo(lợn)
 - g) Cây muồng muồng
 - h) Phân NPK
 - i) Nitragin (chứa vi sinh vật chuyển hóa đạm)
 - k) Bèo dâu.
 - l) Khô dầu dừa
 - m) Khô dầu đậu nành
 - n) Ure (phân bón chứa Nitơ)

Nhóm phân bón	Loại phân bón
Phân hữu cơ	
Phân hóa học	
Phân vi sinh	

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ**Họ và tên HS: Lớp: 7/.....**

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, nội dung cần hướng dẫn thêm khi thực hiện các nhiệm vụ học tập và gửi lại cho nhà trường (thông qua bộ phận điều phối tài liệu/giáo viên chủ nhiệm).

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
1	Ngữ văn		
2	Toán		
3	Vật lý		
4	Lịch sử		
5	Địa lý		
6	GDCD		
7	Tiếng Anh		
8	Âm nhạc		
9	Mỹ thuật		
10	Thể dục		

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
11	Tin học		
12	Sinh học		
13	Công nghệ		